

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 3 - 2022

V/v Xin ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Nhỏ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Tấn Liêm

Ông Nguyễn Văn Mâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm T Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 về việc “*Xin ly hôn và nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Quốc T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp Rau D, xã Hòa M, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Võ Cẩm P, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp Rau D, xã Hòa M, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nguyên đơn là anh Lê Quốc T trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Anh và chị Võ Cẩm P kết hôn với nhau vào năm 2001, không có đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống với nhau thì anh và chị P sống hạnh phúc. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh và chị P bất đồng với nhau về quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường hay cự cãi nhau. Hiện anh và chị P vẫn sống chung nhà nhưng đã ly thân từ năm 2017. Xét thấy, hôn nhân giữa anh và chị P không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, anh không còn tình cảm với chị P nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị P.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung tên: Lê Thùy D, sinh ngày 02/9/2003 và Lê Hướng D sinh ngày 08/10/2011. Hiện nay 02 con đang sống chung nhà với anh và chị P. Sau khi ly hôn, Lê Hướng D theo ai thì người đó nuôi dưỡng, chăm sóc, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Lê Thùy D đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Anh và chị P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung, nợ riêng*: Anh và chị P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn là chị Võ Cẩm P trình bày*:

- *Về hôn nhân*: Chị thống nhất với anh T về thời gian chung sống, chị và anh T sống chung không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống giữa anh T và chị có xảy ra mâu thuẫn và đã hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Nay anh T cương quyết yêu cầu ly hôn, chị đồng ý.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung tên: Lê Thùy D, sinh ngày 02/9/2003 và Lê Hướng D sinh ngày 08/10/2011. Hiện nay 02 con đang sống chung nhà với anh và chị P. Sau khi ly hôn, Lê Hướng D theo ai thì người đó nuôi dưỡng, chăm sóc, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Lê Thùy D đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn là anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị P.

- Bị đơn đồng ý ly hôn với anh T, giữ nguyên ý kiến về con chung.

- Cháu Lê Hướng D trình bày ý kiến: Sau khi anh T và chị P ly hôn, cháu Lê Hướng D có nguyện vọng sống cùng anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa anh Lê Quốc T và chị Võ Cẩm P là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Xin ly hôn và nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; anh T và chị P đều có địa chỉ cư trú xã Hòa M, huyện Cái Nước, do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh T và chị P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001, nhưng không đăng ký kết hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị P chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 luật Hôn nhân

và gia đình không công nhận anh Lê Quốc T và chị Võ Cẩm P là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung tên: Lê Thùy D, sinh ngày 02/9/2003 và Lê Hường D sinh ngày 08/10/2011. Hiện nay 02 cháu đang sống chung nhà với anh T và chị P. Đối với cháu Lê Thùy D đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Lê Hường D, anh chị thống nhất theo nguyện vọng của con, con theo ai thì người đó nuôi dưỡng, chăm sóc và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình thì: “... *con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Hiện tại, cháu Lê Hường D đã được hơn 10 tuổi, tại phiên tòa sau khi được hỏi nguyện vọng, cháu Lê Hường D xác định là sau khi anh T và chị P ly hôn, cháu có nguyện vọng sống cùng cha là anh T. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của các đương sự và nguyện vọng của cháu Lê Hường D. Giao cháu Lê Hường D sinh ngày 08/10/2011 cho anh T trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

Về tài sản chung: Anh T và chị P xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Anh T và chị P xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lê Quốc T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 9, 14, 53, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Lê Quốc T và chị Võ Cẩm P là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hường D sinh ngày 08/10/2011 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh T và chị P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung, nợ riêng: Anh T và chị P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lê Quốc T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 11 tháng 02 năm 2022 anh T có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007781 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Tấn Liêm

Nguyễn Văn Mầm

Tăng Thị Nhớ

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Thị Nhớ

